

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 27/10/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 17 là: 893.964.630.000 đồng
Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/6/2024: 893.964.630.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Trần Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Trần Quang Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30/6/2024

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Ban kiểm soát gồm:

Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Bà Trần Thị Ân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30/6/2024

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty cho 6 tháng đầu năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG

Số: 276.HN/2024/DFK-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần City Auto**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính Hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty được kiểm toán, soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 282/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 26 tháng 03 năm 2024 và báo cáo soát xét số 567/BCSX/TC/2023/AASCS ngày 09 tháng 08 năm 2023, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Phó Tổng Giám Đốc



LÊ ĐÌNH HUYỀN

Số Giấy CNDKHNKT 1756-2023-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		2.518.408.073.109	2.591.993.219.472
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	45.057.132.826	61.180.164.578
1. Tiền	111		45.057.132.826	61.180.164.578
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		1.967.980.989.940	1.876.909.467.615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	852.423.092.924	1.019.571.982.799
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	231.906.442.466	187.131.045.007
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	883.558.756.411	670.113.741.670
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	92.698.139	92.698.139
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	482.564.052.355	613.891.376.856
1. Hàng tồn kho	141		487.507.336.910	618.834.661.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.943.284.555)	(4.943.284.555)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		22.805.897.988	40.012.210.423
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	17.083.605.262	17.465.499.250
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.16	4.990.231.631	22.540.158.256
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	732.061.095	6.552.917
B. Tài sản dài hạn	200		1.020.233.981.638	1.065.463.416.943
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		342.745.530.376	316.621.554.348
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	342.745.530.376	316.621.554.348
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		195.145.732.782	189.832.983.888
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	102.124.985.322	100.037.213.314
- Nguyên giá	222		178.437.481.560	172.566.927.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.312.496.238)	(72.529.714.292)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	6.137.445.000	2.838.500.119
- Nguyên giá	225		6.137.445.000	2.970.523.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(132.023.261)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	86.883.302.460	86.957.270.455
- Nguyên giá	228		89.714.136.441	89.323.136.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.830.833.981)	(2.365.865.986)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		37.388.558.076	41.920.709.054
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	37.388.558.076	41.920.709.054
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.13	342.187.923.639	408.437.923.639
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.000.000.000	26.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		138.750.000.000	205.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		177.437.923.639	177.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		102.766.236.765	108.650.246.014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	18.483.072.772	17.290.685.819
2. Lợi thế thương mại	269	V.08	84.283.163.993	91.359.560.195
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.538.642.054.747	3.657.456.636.415

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

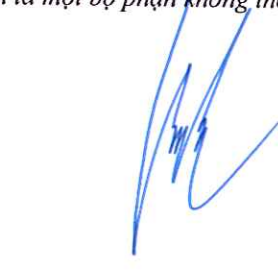
Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		2.460.727.002.228	2.582.798.831.313
I. Nợ ngắn hạn	310		2.182.671.390.203	2.220.303.698.124
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	199.163.225.317	220.537.581.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	67.709.561.492	52.292.079.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	731.620.918	11.023.524.467
4. Phải trả người lao động	314		11.533.107.377	12.286.064.620
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	13.258.592.103	8.799.947.394
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		404.142.928	328.424.208
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	38.143.460.488	55.215.365.916
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.850.469.438.801	1.858.337.969.859
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.258.240.779	1.482.740.779
II. Nợ dài hạn	330		278.055.612.025	362.495.133.189
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	13.365.000.000	33.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	264.690.612.025	329.495.133.189
D. Vốn chủ sở hữu	400		1.077.915.052.519	1.074.657.805.102
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.077.915.052.519	1.074.657.805.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	893.964.630.000	893.964.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		893.964.630.000	893.964.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	19.004.385.000	19.004.385.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	4.367.682.760	4.367.682.760
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	1.215.200.961	1.215.200.961
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	80.073.243.527	73.283.929.477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		69.083.086.561	32.296.606.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.990.156.966	40.987.323.009
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.22	79.289.910.271	82.821.976.904
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.538.642.054.747	3.657.456.636.415

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 8 năm 2024



Lê Thị Phú
Kế toán trưởng





Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		3.423.771.882.391	3.306.424.124.361
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		100.127.163.027	93.366.467.906
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	VI.01	3.323.644.719.364	3.213.057.656.455
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	3.153.951.977.564	3.024.751.898.690
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		169.692.741.800	188.305.757.765
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	135.691.608.761	61.983.836.870
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	84.981.305.710	70.005.104.196
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		84.981.305.710	70.005.104.196
8.	Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	157.511.212.201	126.161.647.046
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	69.503.801.158	50.286.455.368
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.611.968.508)	3.836.388.025
12.	Thu nhập khác	31	VI.07	17.503.412.066	16.837.668.934
13.	Chi phí khác	32	VI.08	1.592.518.756	968.974.423
14.	Lợi nhuận khác	40		15.910.893.310	15.868.694.511
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.298.924.802	19.705.082.536
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	4.785.110.327
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.298.924.802	14.919.972.209
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		10.990.156.966	15.079.243.256
20.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(1.691.232.164)	(159.271.047)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	123	198
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	123	189

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất


Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 8 năm 2024


Lê Thị Phú
Kế toán trưởng


Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9.298.924.802	19.705.082.536
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.996.006.647	9.034.511.331
Các khoản dự phòng	03	-	(3.570.151.900)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(138.882.292.279)	(61.856.161.225)
Chi phí lãi vay	06	84.981.305.710	70.005.104.196
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(34.606.055.120)	33.318.384.938
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	40.004.592.953	(457.718.480.656)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	131.327.324.501	(60.633.268.015)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(37.525.426.440)	96.256.449.834
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	6.133.879.976	(12.426.724.385)
Tiền lãi vay đã trả	14	(85.912.116.849)	(70.397.282.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.469.812.073)	(23.965.801.744)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(224.500.000)	(942.918.999)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	9.727.886.948	(496.509.641.944)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.413.860.744)	(21.850.850.685)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.010.505.051	1.190.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	69.400.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.089.057.885	38.903.934
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	51.085.702.192	(20.621.855.842)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	3.186.009.294.159	3.149.580.300.225
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.260.236.890.357)	(2.642.651.915.418)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.126.624.694)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(582.400.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(76.936.620.892)	506.928.384.807
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(16.123.031.752)	(10.203.112.979)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	61.180.164.578	74.549.476.681
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	45.057.132.826	64.346.363.702

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2024

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 27/10/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

➤ Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

➤ Tại ngày 30/6/2024, Công ty có 06 công ty con được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	100%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Thương mại – dịch vụ	70,20%	99,00%

7. Số lượng nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 211 người (Tại ngày 30/6/2023: 216 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3- Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự kiến. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

Loại tài sản

- Nhà cửa vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị

Thời gian khấu hao

25 năm
05 - 06 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 05 - 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung cho công nhân viên.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

15. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Các khoản chi phí khác không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

18. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	2.969.206.724	1.482.781.456
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	888.847.729	764.154.615
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	829.407.791	29.140.150
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	689.271.929	589.862.969
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	509.314.649	55.643.995
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	52.364.626	43.979.727
Tiền gửi ngân hàng	42.087.926.102	59.697.383.122
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	7.866.235.297	27.234.687.011
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	9.484.598.818	2.405.364.665
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	4.982.176.047	1.203.345.382
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	17.833.000.724	27.552.079.682
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	1.917.265.938	1.296.956.997
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	4.649.278	4.949.385
Cộng	45.057.132.826	61.180.164.578
2. Phải thu của khách hàng		
Ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	530.158.980.500	528.184.115.756
- Công ty CP Easy Car	99.064.054.428	161.684.133.684
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	223.200.057.996	329.703.733.359
Cộng	852.423.092.924	1.019.571.982.799
3. Trả trước cho người bán		
Ngắn hạn		
- Công Ty TNHH Minh Long	117.033.111.035	147.512.477.783
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	91.510.776.598	17.809.004.151
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	23.362.554.833	21.809.563.073
Cộng	231.906.442.466	187.131.045.007
4. Phải thu khác		
a) Ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	58.303.036.862	86.277.146.593
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	33.489.248.871	32.315.999.178
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	359.798.632.563	229.645.228.433
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	34.760.795.666	27.217.666.720
- Phải thu khác Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)	2.467.130.686	-
- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	61.977.998.571	75.262.058.068
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	14.204.590.000
- Các khoản tạm ứng nhân viên	3.570.510.116	3.520.897.889
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	65.160.000.000	65.160.000.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason	87.100.000.000	-
- Ký quỹ ngắn hạn khác	84.624.000.000	35.995.777.800
- Các khoản phải thu khác	78.102.813.076	100.514.376.989
Cộng	883.558.756.411	670.113.741.670

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Phải thu khác (tiếp theo)					
b) Dài hạn				Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)				263.641.000.000	225.718.023.972
- Ký quỹ dài hạn thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long				72.000.000.000	72.000.000.000
- Ký quỹ dài hạn khác				7.104.530.376	18.903.530.376
Cộng				342.745.530.376	316.621.554.348
5. Tài sản thiếu chờ xử lý		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tại Công ty CP City Auto					
- Hàng tồn kho		92.698.139	-	92.698.139	-
Cộng		92.698.139	-	92.698.139	-
6. Hàng tồn kho		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ		512.009.609	-	2.059.337.739	-
- Chi phí sản xuất dở dang		8.661.399.717	-	8.210.178.475	-
- Hàng hóa (6.1)		478.333.927.584	(4.943.284.555)	608.565.145.197	(4.943.284.555)
Cộng		487.507.336.910	(4.943.284.555)	618.834.661.411	(4.943.284.555)
(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:				Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại				402.694.267.020	529.334.598.801
- Tại Công ty Cổ phần City Auto				109.349.927.251	200.822.243.945
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ				49.930.636.354	119.179.952.261
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)				73.341.385.958	62.601.579.737
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)				157.028.703.819	129.117.450.131
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận				13.043.613.638	17.613.372.727
Phụ tùng, phụ kiện				75.639.660.564	79.230.546.396
- Tại Công ty Cổ phần City Auto				36.433.697.067	36.902.526.840
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ				21.388.941.063	20.529.706.655
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)				8.567.210.734	7.662.401.836
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)				4.830.230.301	11.793.022.078
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận				4.419.581.399	2.342.888.987
Cộng				478.333.927.584	608.565.145.197
7. Chi phí trả trước				Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn					
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ				1.960.302.643	2.355.613.090
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển				9.516.236.511	10.497.700.000
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển				5.607.066.108	4.612.186.160
Cộng				17.083.605.262	17.465.499.250
b) Dài hạn					
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ				8.955.774.914	6.825.982.570
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển				49.000.000	-
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển				9.478.297.858	10.464.703.249
Cộng				18.483.072.772	17.290.685.819
8. Lợi thế thương mại				Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất				141.527.923.950	141.527.923.950
Lợi thế thương mại đã phân bổ				(57.244.759.957)	(50.168.363.755)
Cộng				84.283.163.993	91.359.560.195

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

9. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	75.009.790.724	5.968.934.377	-	80.978.725.101
Máy móc, thiết bị	44.600.183.674	762.607.004	2.077.289.053	43.285.501.625
Phương tiện vận tải	50.459.643.579	9.081.637.273	9.022.287.273	50.518.993.579
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.497.309.629	1.175.587.990	18.636.364	3.654.261.255
Cộng	172.566.927.606	16.988.766.644	11.118.212.690	178.437.481.560
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	25.472.563.106	3.088.581.939	-	28.561.145.045
Máy móc, thiết bị	30.538.129.956	2.331.921.729	450.276.585	32.419.775.100
Phương tiện vận tải	14.984.402.043	3.981.155.880	5.279.343.757	13.686.214.166
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.534.619.187	129.379.104	18.636.364	1.645.361.927
Cộng	72.529.714.292	9.531.038.652	5.748.256.706	76.312.496.238
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	49.537.227.618			52.417.580.056
Máy móc, thiết bị	14.062.053.718			10.865.726.525
Phương tiện vận tải	35.475.241.536			36.832.779.413
Thiết bị, dụng cụ quản lý	962.690.442			2.008.899.328
Cộng	100.037.213.314			102.124.985.322

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 34.546.802.875 đồng.

10. Tài sản cố định thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Máy móc, thiết bị	2.970.523.380	3.166.921.620	-	6.137.445.000
Cộng	2.970.523.380	3.166.921.620	-	6.137.445.000
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Máy móc, thiết bị	132.023.261	-	132.023.261	-
Cộng	132.023.261	-	132.023.261	-
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Máy móc, thiết bị	2.838.500.119			6.137.445.000
Cộng	2.838.500.119			6.137.445.000

11. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	5.300.661.818	391.000.000	-	5.691.661.818
Cộng	89.323.136.441	391.000.000	-	89.714.136.441
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	2.365.865.986	464.967.995	-	2.830.833.981
Cộng	2.365.865.986	464.967.995	-	2.830.833.981
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	2.934.795.832			2.860.827.837
Cộng	86.957.270.455			86.883.302.460

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 996.735.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	2.647.217.024	3.306.735.000
- Quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng showroom tại Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	34.711.341.052	33.899.501.713
- Chi phí xây dựng showroom, xưởng khác	30.000.000	4.714.472.341
Cộng	37.388.558.076	41.920.709.054

13. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) - Công ty liên kết	26.000.000.000	26.000.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-
b) - Đầu tư khác	138.750.000.000	138.750.000.000	-	205.000.000.000	205.000.000.000	-
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.437.923.639	177.437.923.639	-	177.437.923.639	177.437.923.639	-
Cộng	342.187.923.639	342.187.923.639	-	408.437.923.639	408.437.923.639	-

a) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp đến ngày 30/06/2024
- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	20%	26.000.000.000	26.000.000.000
Cộng			26.000.000.000

b) Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp đến ngày 30/06/2024
- Công ty CP New City Rent A Car	(13.1) 11,50%	28.750.000.000	28.750.000.000
- Công ty Cổ phần Easy Car	(13.2) 1,56%	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dasonmotors	(13.3) 10,50%	112.200.000.000	105.000.000.000
Cộng			138.750.000.000

(13.1) Khoản đầu tư 1.150.000 cổ phần chiếm 11,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần New City Rent A Car với giá trị là 28.750.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524 ngày 10/11/2020 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

(13.2) Khoản đầu tư 500.000 cổ phần chiếm 1,56% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Easy Car với giá trị 5.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315963325 ngày 16/5/2022 với vốn điều lệ 320 tỷ đồng.

(13.3) Khoản đầu tư 11.220.000 cổ phần chiếm 10,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dasonmotors theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317908538 ngày 29/6/2023 với vốn điều lệ 1.068 tỷ đồng.

c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ông Lê Đức Hòa	(13.4) 30.437.923.639	30.437.923.639
- Công ty Cổ phần Daf Group	(13.5) 147.000.000.000	147.000.000.000
Cộng	177.437.923.639	177.437.923.639

(13.4) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 157/22/HĐUT ngày 10/10/2022 và phụ lục giữa Công ty CP City Auto và Ông Lê Đức Hòa, tổng số tiền được ủy thác: 31.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng.

(13.5) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

14. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	24.686.011.704	24.686.011.704	12.465.509.000	12.465.509.000
- Công ty TNHH Ô Tô VW Nha Trang	3.865.644	3.865.644	18.501.907.840	18.501.907.840
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	33.431.731.567	33.431.731.567	31.361.413.466	31.361.413.466
- Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	40.734.343.388	40.734.343.388	389.150.556	389.150.556
- Công ty TNHH Trend Motor VN	-	-	8.864.859.912	8.864.859.912
- Công ty TNHH Minh Long	21.923.194.416	21.923.194.416	16.199.004.769	16.199.004.769
- Công ty CP Truck&Bus Trường Chinh	30.783.643.459	30.783.643.459	60.897.674.659	60.897.674.659
- Các đối tượng khác	47.600.435.139	47.600.435.139	71.858.061.002	71.858.061.002
Cộng	199.163.225.317	199.163.225.317	220.537.581.204	220.537.581.204
15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công Ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)			-	14.728.645.394
- Công Ty Cổ Phần Trident Auto			10.509.770.000	-
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)			57.199.791.492	37.563.434.283
Cộng			67.709.561.492	52.292.079.677
16. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước				
a) Phải nộp			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp			397.740.703	1.316.122.255
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			-	8.711.884.798
- Thuế thu nhập cá nhân			333.880.215	995.517.414
Cộng			731.620.918	11.023.524.467
b) Phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ			4.990.231.631	22.540.158.256
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư)			689.518.412	-
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)			42.542.683	6.552.917
Cộng			5.722.292.726	22.546.711.173
17. Chi phí phải trả ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam			549.487.789	1.236.129.763
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu			-	873.972.475
- Chi phí môi giới			4.274.962.868	-
- Chi phí phải trả khác			8.434.141.446	6.689.845.156
Cộng			13.258.592.103	8.799.947.394
18. Các khoản phải trả khác			Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc			4.236.622.075	3.148.543.222
- Tài sản thừa chờ xử lý			607.888.511	606.145.005
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng			2.229.620.425	3.367.210.470
- Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền thu hộ chuyển nhượng cổ phần			-	160.000.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông			8.524.752.542	1.698.664.484
- Các khoản phải trả khác			22.544.576.935	46.234.802.735
Cộng			38.143.460.488	55.215.365.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

18. Các khoản phải trả khác (tiếp theo)

b) Dài hạn

- Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long	-	33.000.000.000
- Các khoản mượn tiền cá nhân dài hạn	13.365.000.000	-
Cộng	13.365.000.000	33.000.000.000

19. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn	1.858.337.969.859	3.179.417.530.855	3.155.038.936.655	1.850.469.438.801
- NH Ngoại thương (19.1)	425.849.632.011	687.607.749.909	753.583.797.707	359.873.584.213
- NH Bảo Việt (19.2)	190.428.356.000	381.405.021.350	396.096.904.000	175.736.473.350
- NH Đầu tư và Phát triển (19.3)	354.152.384.464	523.961.342.753	557.255.459.046	320.858.268.171
- NH Indovina (19.4)	215.791.647.956	231.859.445.836	233.712.172.812	213.938.920.980
- NH Quốc tế (19.5)	81.947.633.500	99.969.247.500	167.113.392.000	14.803.489.000
- NH VN Thịnh Vượng (19.6)	114.138.807.742	311.616.898.898	212.753.955.354	213.001.751.286
- NH Eximbank (19.7)	128.700.000	2.165.900.000	2.294.600.000	-
- NH Công thương (19.8)	7.310.596.950	22.406.751.795	17.021.237.916	12.696.110.829
- NH Quân đội (19.9)	5.178.921.169	7.693.996.000	5.204.638.169	7.668.279.000
- NH Phương Đông (19.10)	17.439.404.624	30.620.271.480	30.574.519.703	17.485.156.401
- NH HD Bank (19.11)	77.989.110.400	118.495.256.800	151.155.543.200	45.328.824.000
- NH HSBC (19.12)	100.130.900.230	22.491.484.449	122.622.384.679	-
- NH Bangkok (19.13)	130.000.000.000	260.000.000.000	260.000.000.000	130.000.000.000
- NH Tiên Phong (19.14)	7.645.331.000	98.165.149.750	54.625.126.000	51.185.354.750
- NH Xăng dầu Petrolimex (19.15)	23.719.646.945	184.733.899.335	117.620.726.069	90.832.820.211
- NH TM CP Đông Nam Á (19.16)	34.681.080.000	69.619.000.000	64.980.080.000	39.320.000.000
- NH First Bank (19.17)	-	119.841.315.000	5.450.000.000	114.391.315.000
- NH Á Châu (19.18)	-	6.764.800.000	2.974.400.000	3.790.400.000
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>71.805.816.868</i>			<i>39.558.691.610</i>
b. Dài hạn	329.495.133.189	10.272.931.974	107.324.578.396	264.690.612.025
- NH Ngoại thương (19.1)	59.875.154.435	4.701.763.304	6.287.300.000	58.289.617.739
- NH HD Bank (19.11)	23.131.300.000	1.130.000.000	22.758.470.000	1.502.830.000
- NH Tiên phong (19.14)	250.319.245.904	-	25.036.836.064	225.282.409.840
- NH Bảo Việt (19.2)	13.920.500.000	-	780.028.000	13.140.472.000
- NH VN Thịnh Vượng (19.6)	1.207.998.146	-	240.319.638	967.678.508
- Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST Chi nhánh TP.HCM (19.3)	2.846.751.572	3.681.168.670	2.126.624.694	4.401.295.548
- NH Xăng dầu Petrolimex (19.15)	-	760.000.000	95.000.000	665.000.000
- Trái phiếu thường	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>(71.805.816.868)</i>			<i>(39.558.691.610)</i>
Cộng	2.187.833.103.048	3.189.690.462.829	3.262.363.515.051	2.115.160.050.826

Cho đến ngày 30/6/2024, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(19.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0147/KHDN/22/HMCV ngày 04/5/2022 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0230/KHDN/23/HMCV ngày 09/06/2023 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 022K23 ngày 30/3/2023. Hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 04 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe giữa Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và khách hàng. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:
 - 500 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.
 - 1.050 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.
- Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0269/KHDN/20-SĐ1 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn bao gồm:
 - 500.000 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của ông Trần Lâm và bà Võ Thị Thanh Hiền.
 - 290.650 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
 - 1.446.405 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của bà Đồng Thị Thanh Thắm.
 - 2.756.911 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
 - Các hợp đồng tiền gửi và xe ô tô nhãn hiệu Hyundai mới 100%.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/KHDN/24/HMCV ngày 17/5/2024 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.
- Khoản vay Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0249/KHDN/23 ngày 14/06/2023, hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0250/KHDN/23/HMCV ngày 22/06/2023, hợp đồng cho vay từng lần trung và dài hạn số 0351/KHDN/23/CVTDH ngày 21/07/2023, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0249/KHDN/23/SĐ1 ngày 08/08/2023, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0276/KHDN/23/HĐBĐ ngày 19/06/2023 và thỏa thuận bảo lãnh số 0251/KHDN/23/HMBL ngày 22/06/2023 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng; Mục đích cấp tín dụng: Lắp đặt máy móc thiết bị cho xưởng tại công trình "Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận" địa điểm: Lô DVTM-08 và Lô DVTM -11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM và Bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn cấp tín dụng: 60 tháng; Thời hạn vay: tối đa 04 tháng, được ghi trên từng khế ước nhận nợ; Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ.
Tài sản đảm bảo:
 - Tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh: Quyền sở hữu căn hộ chung cư số LP-34.16 thuộc tòa nhà Landmark Plus, số 702A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh; Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 429/19 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh; Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 378/26 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh; Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Một phần nhà 2A đường số 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức);
 - Lô xe ô tô Ford mới 100%
 - Toàn bộ xe ô tô mới 100% đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ nguồn vốn Ngân hàng cấp tín dụng và/ hoặc sẽ được để tại Showroom Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TPHCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2023/HDTD-NTF ngày 01/11/2023 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023/HMCMV-NTF và thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 2023/HMBL-NTF ngày 01/11/2023, với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng; Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định; Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng đến hết ngày 24/8/2022; Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

- Hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm;
- Văn bản bảo lãnh vay vốn do Công ty Cổ phần City Auto phát hành.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay: 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: 8,3-8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kWp theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 30/03/2022 với số tiền vay: 1.420.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Explorer BKS 79A-380.07. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 16/11/2022 với số tiền vay: 990.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 79C-196.00 và BKS 79C-196.96. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 07/10/2022 với số tiền vay: 877.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 7,8%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 79A-422.20. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 06/12/2022 với số tiền vay: 560.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 7,7%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 79A-433.37. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0073/KHDN/23/HMCMV ngày 28/02/2023, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0073/KHDN/23/HMCMV/SĐ1 ngày 18/8/2023, Hợp đồng phát hành thư tín dụng 0074/KHDN/23/HMCMV ngày 28/02/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0074/KHDN/23/HMCMV/SĐ1 ngày 18/8/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 50.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 03 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số 0336/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20-SĐ4 ngày 18/8/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 70.000.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom); Thời hạn cho vay: 96 tháng; Lãi suất vay: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

- 1.586.940 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Quang Khải;
- 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh;
- 1.172.275 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của bà Trần Thị Tâm và ông Nguyễn Quang Vân;
- 1.113.225 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Phạm Anh Hưng và bà Trần Bích Liên;
- 898.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Bình;
- Xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

(19.2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các hợp đồng sau:

• Khoản ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 0053-2024-HĐTĐ1-BVB003 ngày 28/3/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: từ 24/03/2024 đến 28/03/2025; Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 19/4/2022 và phụ lục số 0039.01-2022-PL1-BV003 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 12.800.000.000 đồng; Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản.

Hợp đồng tín dụng số 0053-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 21/4/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 6.500.000.000 đồng; Mục đích vay: đầu tư xây dựng showroom Tiền Giang Ford; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 0177-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 31/10/2023 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe Ford; Thời hạn cấp tín dụng: đến 30/10/2024; Thời hạn vay: tối đa không quá 04 tháng theo khế ước nhận nợ; Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới được hình thành trong tương lai nhãn hiệu Ford (mới 100%);
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Ford (mới 100%), có thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải theo quy định của Ngân hàng.

(19.3) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/8943817/HĐTD ngày 08/10/2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/8943817/HĐTD ngày 01/11/2023. Hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng nhưng không quá ngày 31/10/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2023/11402179/HĐTD ngày 27/7/2023 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

• Khoản vay tài chính dài hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST Chi nhánh TP HCM theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000030/HĐCTTC ngày 08/02/2023 cụ thể như sau: Mục đích vay: Mua sắm máy móc thiết bị; Khoản nợ vay: 4.995.880.230 VNĐ; Thời hạn vay: 48 tháng; Ngày hết hạn dự kiến: 16/03/2027; Lãi suất: 9,2% trong 3 tháng đầu, sau đó lãi suất sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ, điều chỉnh 3 tháng/lần; Bên bảo lãnh: Công ty Cổ phần City Auto.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/4528578/HĐTD ngày 19/01/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 180.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn duy trì hạn mức: đến 15/01/2025;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;
- Số dư tại ngày 30/6/2024: 142.398.411.963 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(19.4) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng hạn mức số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/6/2022, sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL03-0623 ngày 15/6/2023, số 17/0622/CL/PL04-1023 ngày 16/11/2023 và tu chỉnh thông báo tín dụng số 581/IVBBT/CAD/2023 ngày 08/12/2023. Hạn mức tín dụng tối đa 92 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- o 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- o 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
- o 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
- o 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
- o 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
- o 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- o 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
- o 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
- o 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.
- o 113.247 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn.
- o 100.566 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh.
- o 254.520 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Thái Hạnh.

- Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/6/2023. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 9.000.000 cổ phiếu mã BSG thuộc sở hữu của bên thứ ba là Ông Phạm Anh Hưng và hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp số 21/0622/HĐTC-HTK.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TNHH Indovina theo hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 20/0622/CL/PL01-0223 ngày 16/02/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 65.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- o 12.500.000 cổ phiếu BSG (Công ty CP Xe khách SG) thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- o 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- o 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
- o 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
- o 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
- o 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
- o 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
- o 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm. Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 65/1223/Clri/6370691 ngày 19/12/2023; Số tiền vay: 40 tỷ đồng; Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh Ngân hàng; Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân
Tài sản đảm bảo: Tín chấp và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 03 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền quận 2, TP. HCM.

- Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, volkswagen, Ford, Masterati (Maserati), Nissan và các nhãn hiệu khác gồm các xe ô tô hiện hữu đang tồn kho mới 100% có thời gian trên tờ khai hải quan nhập khẩu thông quan và/hoặc từ ngày xuất xưởng đến ngày thế chấp không vượt quá 1 năm thuộc sở hữu của bên vay.

- Các tài sản khác được xác lập, thỏa thuận giữa ngân hàng với bên vay và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các hợp đồng đảm bảo ký trước, trong và sau ngày phát hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài sản đảm bảo nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(19.5) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6367447.23 ngày 19/6/2023, hạn mức vay: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và bất động sản tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2756712.23 ngày 26/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(19.6) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-2505-01 ngày 20/04/2024. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để mua các loại xe mới 100% hiệu Hyundai; phát hành bảo lãnh thanh toán; phát hành upas L/C nội địa. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục kèm theo.
- Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/4/2022 và 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/6/2022. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1928-01 ngày 29/01/2024 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, số tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-9181-01 ngày 08/12/2023; Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung/ hoàn vốn lưu động, phát hành/ thanh toán Upas L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xe, phụ tùng xe ô tô các loại; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân;
Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo tỷ lệ quy định và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:
 - Thế chấp bằng toàn bộ tài sản là Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90 Bộ Địa chính, địa chỉ: 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Toàn bộ hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam
 - Thư bảo lãnh của Ông Lê Công Tâm và Ông Trần Long
 - Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty và/ hoặc Bên thứ ba (nếu có).

(19.7) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 230026532 ngày 10/4/2023, hạn mức vay: 30 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 10/4/2024. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Liên doanh Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1805-LAV-230029401 ngày 18/4/2023. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% hình thành từ vốn vay theo sản phẩm tài trợ hệ sinh thái Hyundai Thành Công Việt Nam (HTV) (SP16/CL&PTSP KHDN).

(19.8) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 0305/2023-HĐCVHM/NHCT924-ATC ngày 17/3/2023, hạn mức vay: 40 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/7/2023. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa 4 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Hyundai mới 100% mua từ Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: TRAM.NTB-002/2024-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 05/02/2024. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/01/2025, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp phát sinh từ hợp đồng.

(19.9) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 131873.23.117.2897485.TD ngày 27/4/2023. Hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Mục đích vay: Phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai mới 100%. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/4/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm tại MB, Giấy tờ có giá do MB phát hành hoặc tiền gửi, giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác được MB chấp thuận phát hành.

- Xe Hyundai mới 100% hình thành từ vốn vay hoặc xe đã hình thành thuộc sở hữu của khách hàng.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 135612.23.117.5943003.TD ngày 19/5/2023. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh xe thương mại hiệu Hyundai (từ 09 chỗ trở xuống). Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 16/5/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tiền ký quỹ, tiền gửi tiết kiệm, bất động sản, phương tiện vận tải, hàng hóa là xe ô tô Hyundai mới 100% hình thành từ vốn vay, xe ô tô biển kiểm soát 93A-271.77, số khung RLUSW81HHMN024233, số máy D4HEMH745265.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 3235.21.117.2897485.TD ngày 18/01/2021 với hạn mức cho vay: 10 tỷ đồng. Số tiền vay là 394.350.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-832.79. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 214765. 24.102. 2520244.TD ngày 29/5/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;

- Thời hạn duy trì hạn mức: từ 29/5/2024 đến 12/4/2025;

- Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 05 tháng từ ngày giải ngân;

- Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân;

- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

- Số dư tại ngày 30/6/2024: 7.668.279.000 đồng.

(19.10) Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng số 0042/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 24/05/2024, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

(19.11) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 41741/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Chi lương cho nhân viên Công ty. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

• Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 41742/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Số tiền vay: 1.130.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe Ô tô Hyundai Palisade, BKS: 51K-918.10. Thời hạn cấp tín dụng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng số 23375/22MN/HĐTD ngày 11/07/2022. Hạn mức tín dụng: 9.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức đến 11/07/2025. Thời hạn vay chi tiết theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là bất động sản tọa lạc tại tờ bản đồ số 30, 38 phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf Biển Cửa Lò và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và CTXD trên đất tại tổ 3, KP. Tân Trà, P. Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, Bình Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng số 44656/22MN/HĐTD ngày 16/01/2023. Số tiền vay: 1.095.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Vay vốn mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 11,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay và Bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng số 23376/22MN/HĐTD ngày 07/07/2022. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn xây dựng showroom tại thành phố Đồng Xoài. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là bất động sản tọa lạc tại tờ bản đồ số 30, 38 phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf Biển Cửa Lò và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và CTXD trên đất tại tổ 3, KP. Tân Trà, P. Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, Bình Phước.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 39421/23MN/HĐTD ngày 26/12/2023, hợp đồng thế chấp số 29015/23MN/HĐBĐ, phụ lục thế chấp hợp đồng số 29015/23MN/HĐBĐ/PL01 ngày 26/12/2023 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe Ford, linh kiện, phụ tùng xe ô tô và phát hành Upas L/C nội địa; Thời hạn cấp tín dụng: 36 tháng; Thời hạn vay: quy định tại từng khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: quy định tại từng khế ước nhận nợ;

Tài sản đảm bảo:

- Lô xe đã hình thành/ hình thành trong tương lai nhãn hiệu Ford , nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam.

- Cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần City Auto (mã: CTF).

- Cổ phiếu niêm yết của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (mã: BSG).

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34855/23MN/HĐTD ngày 24/11/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford và chi lương;

- Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng;

- Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ;

- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

- Số dư tại ngày 30/6/2024: 24.545.848.000 đồng.

(19.12) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 115323 ngày 19/9/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 166021 ngày 21/9/2022 và bản sửa đổi số 2 ngày 15/09/2023 với tổng hạn mức vay là 60 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(19.13) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(19.14) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 24/2023/HĐTD/GVP ngày 29/3/2023. Số tiền vay: 374.500.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 9,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cho vay ô tô của KHDN của TPBank cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 49/2023/HDTD/GVP ngày 22/09/2023. Hạn mức cho vay: 100 tỷ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: ký quỹ và các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng khế ước, phụ lục.

• Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bào Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HDBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 269/2023/HDTD/NTG ngày 27/09/2023; Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho vay bù đắp, thanh toán tiền kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% do Công ty Ford Việt Nam phân phối và các đại lý Ford đạt chuẩn trong cùng hệ thống khách hàng; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: ký quỹ theo quy định về ký quỹ tại hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác giữa Ngân hàng và khách hàng.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng số 06/2024/HDTD/PDL ngày 06/03/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 4 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

• Khoản ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 240/2023/HDTD/PDL ngày 17/5/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;
- Số dư tại ngày 30/6/2024: 4.126.988.000 đồng.

(19.15) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Petrolimex theo các hợp đồng sau:

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 948.339/2023/HĐTDHM-DN/PGBankBD ngày 04/10/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp: 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xe ô tô. Tài sản đảm bảo: hàng hóa là xe ô tô do HTV phân phối được hình thành từ vốn vay do PG bank cấp tín dụng với thời gian không quá 12 tháng; Các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng thời kỳ.

• Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2023/0122/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 19/09/2023. Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xe ô tô. Tài sản đảm bảo: hàng hóa là xe ô tô do Công ty CP Liên doanh ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam (HTV) phân phối; Các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng thời kỳ.

• Khoản dài hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 441/2024/0018/HĐTD-DN/PGBankSG ngày 21/03/2024. Số tiền vay: 760.000.000 VNĐ. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước. Mục đích vay: Tái bù đắp tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, kiểu loại Custin 2.0T. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ khoản vay.

(19.16) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 13/2023/HĐTD-HM/TTKD ngày 15/8/2023 với hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(19.17) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng First Commercial Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STPLUS-H30230281 ngày 16/01/2024 với hạn mức vay là 115 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.

- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(19.18) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.DN.2469.190623 ngày 23/06/2023.

Hạn mức cho vay: 90 tỷ đồng

Mục đích vay: Bảo lãnh/ vay vốn bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua xe mới cho hãng xe phục vụ kinh doanh mua bán xe ô tô.

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng.

Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp/ cầm cố toàn bộ lô hàng là xe ô tô nhãn hiệu Ford là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc là tài sản hình thành trong tương lai với trị giá là 112.500.000.000 đồng.

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số dư đầu năm	1.482.740.779	1.713.846.454
Tăng do trích quỹ	-	-
Giảm do chi quỹ	(224.500.000)	(915.018.999)
Số dư cuối kỳ	<u>1.258.240.779</u>	<u>798.827.455</u>

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2023	Tăng	Giảm	30/6/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	-	-	760.175.420.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	128.077.046.468	15.079.243.256	-	143.156.289.724
Cộng	<u>893.835.350.189</u>	<u>15.079.243.256</u>	-	<u>908.914.593.445</u>

	01/01/2024	Tăng	Giảm	30/6/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu	893.964.630.000	-	-	893.964.630.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.004.385.000	-	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	73.283.929.477	10.990.156.966	4.200.842.916	80.073.243.527
Cộng	<u>991.835.828.198</u>	<u>10.990.156.966</u>	<u>4.200.842.916</u>	<u>998.625.142.248</u>

b) Lợi nhuận chưa phân phối	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	73.283.929.477	128.077.046.468
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	10.990.156.966	15.079.243.256
- Nộp tiền thuế bị truy thu	(4.151.076.876)	-
- Tăng/(giảm) khác	(49.766.040)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	<u>80.073.243.527</u>	<u>143.156.289.724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 17 ngày 27/10/2023 là 893.964.630.000 đồng tương đương 89.396.463 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.396.463	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.396.463	89.396.463
+ Cổ phiếu phổ thông	89.396.463	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.396.463	89.396.463
+ Cổ phiếu phổ thông	89.396.463	89.396.463
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

22. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	87.002.000.000	82.002.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	3.455.636.522	10.140.912.017
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(7.729.744.348)	(5.888.466.744)
+ Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần	(3.136.284.405)	(3.136.284.405)
+ Điều chỉnh sang Lợi nhuận chưa phân phối	(25.155.484)	(421.466.716)
+ Trích lập các quỹ	(276.542.014)	125.282.752
Cộng	79.289.910.271	82.821.976.904

23. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Doanh thu bán hàng hoá	3.238.699.510.782	3.074.164.390.941
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	185.072.371.609	232.259.733.420
Cộng	3.423.771.882.391	3.306.424.124.361

Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	40.690.909	-
Chiết khấu thương mại	478.781.820	-
Hàng bán bị trả lại	99.607.690.298	93.366.467.906
Cộng doanh thu thuần	3.323.644.719.364	3.213.057.656.455

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	2.987.366.931.183	2.950.689.900.687
Doanh thu bán phụ tùng	151.257.421.394	30.108.022.348
Doanh thu cung cấp dịch vụ	165.097.284.066	195.726.825.246
Doanh thu khác	19.923.082.721	36.532.908.174
Cộng	3.323.644.719.364	3.213.057.656.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	2.921.430.388.940	2.874.564.157.967
- Giá vốn hàng hóa đã bán	131.043.263.784	26.068.533.179
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	92.186.756.673	121.613.554.913
- Giá vốn khác	9.291.568.167	2.505.652.631
Cộng	3.153.951.977.564	3.024.751.898.690
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.089.057.885	38.903.934
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	76.878.017	173.642.079
- Lãi từ khoản đầu tư	78.250.000.000	1.056.571.212
- Lãi từ khoản ký quỹ	56.275.672.859	60.714.719.645
Cộng	135.691.608.761	61.983.836.870
4. Chi phí tài chính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí lãi vay	84.981.305.710	70.005.104.196
Cộng	84.981.305.710	70.005.104.196
5. Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nhân viên	69.698.705.566	52.756.186.554
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.274.193.536	5.035.532.738
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.886.145.558	27.191.411.309
- Chi phí bằng tiền khác	47.652.167.541	41.178.516.445
Cộng	157.511.212.201	126.161.647.046
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	28.071.047.249	18.334.628.540
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.128.066.481	3.426.278.720
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.721.813.111	3.998.978.633
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(3.570.151.900)
- Lợi thế thương mại phân bổ	7.076.396.202	7.076.396.202
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.226.161.114	14.370.946.990
- Chi phí bằng tiền khác	3.280.317.001	6.649.378.183
Cộng	69.503.801.158	50.286.455.368
7. Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	3.267.561.535	45.966.434
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp	12.593.933.335	12.660.968.754
- Xử lý công nợ lâu năm	-	321.840.846
- Thu nhập khác	1.641.917.196	3.808.892.900
Cộng	17.503.412.066	16.837.668.934

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
8. Chi phí khác		
- Chi phí phạt, nộp chậm thuế	1.193.045.582	-
- Chi phí khác	399.473.174	968.974.423
Cộng	1.592.518.756	968.974.423
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	-	3.096.126.555
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	-	1.688.983.772
Cộng	-	4.785.110.327
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó:	9.298.924.802	14.919.972.209
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(1.691.232.164)	(159.271.047)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	10.990.156.966	15.079.243.256
Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	10.990.156.966	15.079.243.256
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	89.396.463	76.017.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	123	198
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.990.156.966	15.079.243.256
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	89.396.463	76.017.542
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	3.800.877
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	123	189
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	3.153.951.977.564	3.024.751.898.690
- Chi phí nhân công	97.769.752.815	71.090.815.094
- Chi phí khấu hao	9.996.006.647	9.034.511.331
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.112.306.672	41.562.358.299
- Chi phí khác	60.136.947.225	54.760.417.690
Cộng	3.380.966.990.923	3.201.200.001.104

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

1. Bên liên quan là pháp nhân

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	314.352.345.318
		Mua hàng hóa và dịch vụ	113.835.930.017
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	7.000.000.000
		Doanh thu tài chính	39.299.719.605

2. Bên liên quan là các thành viên quản lý

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT/ Cố vấn điều hành	Thù lao	120.000.000
		Tiền lương	81.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	30.000.000
		Tiền lương	192.035.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ban Kiểm soát			
Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	Thù lao	18.000.000
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	Thù lao	18.000.000
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	Thù lao	18.000.000

Số dư phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Phải thu khách hàng	223.200.057.996
		Phải thu khác	359.798.632.563
		Ký quỹ dài hạn	263.641.000.000
		Phải trả người bán	40.734.343.388
		Phải trả khác	2.816.957.655
		Trả trước cho người bán	91.510.776.598

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2024

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	2.987.366.931.183	185.020.366.787	151.257.421.394	3.323.644.719.364
2. Giá vốn hàng bán	2.921.430.388.940	101.478.324.840	131.043.263.784	3.153.951.977.564
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	65.936.542.243	83.542.041.947	20.214.157.610	169.692.741.800
4. Tài sản bộ phận				-
5. Tài sản không phân bổ				3.538.642.054.747
Tổng tài sản				3.538.642.054.747
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				2.460.727.002.228
Tổng nợ phải trả				2.460.727.002.228

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2023

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	2.950.689.900.687	232.259.733.420	30.108.022.348	3.213.057.656.455
2. Giá vốn hàng bán	2.874.564.157.967	124.119.207.544	26.068.533.179	3.024.751.898.690
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	76.125.742.720	108.140.525.876	4.039.489.169	188.305.757.765
4. Tài sản bộ phận				-
5. Tài sản không phân bổ				3.124.285.322.990
Tổng tài sản				3.124.285.322.990
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				2.189.367.821.273
Tổng nợ phải trả				2.189.367.821.273

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

